

100 MẪU CÂU SONG NGỮ GIAO TIẾP THƯỜNG NHẬT BA MẸ NÓI CÙNG CON (EVERYDAY ENGLISH)

Tuyển tập 100 mẫu câu thực tế chia theo 10 tình huống sinh hoạt gia đình, có phiên âm tiếng Việt dễ đọc, giúp mọi phụ huynh dù không giỏi tiếng Anh vẫn có thể tự tin biến ngôi nhà thành môi trường song ngữ tự nhiên cho con.

💡 **Triết lý sư phạm EduCenter:** Con trẻ học ngôn ngữ thứ hai không phải bằng cách phân tích ngữ pháp, mà bằng cách gắn kết âm thanh với cảm xúc ấm áp của cha mẹ. Chỉ cần 10-15 phút mỗi ngày lúc đánh răng, dùng bữa hay đọc truyện, ba mẹ đã trao cho con phần xạ song ngữ vô giá suốt cuộc đời!

100

Mẫu Câu Giao Tiếp Thực Chiến

10

Tình Huống Gia Đình Gần Gũi

100%

Có Phiên Âm Việt Dễ Đọc

Đơn vị biên soạn: Ban Nghiên Cứu Giáo Dục Gia Đình — EduCenter

Nền tảng học liệu: <https://educenter.app> | Bản quyền chính thức EduCenter

CHỦ ĐỀ 1: MORNING ROUTINE (BUỔI SÁNG THỨC GIẤC)

1. Good morning, sunshine! Time to wake up!

#01

Gút mo-ninh, sắn-sai! Tham thu uếch-ấp!

Chào buổi sáng ánh nắng của mẹ! Đến giờ thức dậy rồi!

💡 Mẹ: Kèm theo nụ cười tươi và vuốt nhẹ trán hoặc tóc bé.

2. Did you sleep well last night?

#02

Đít diu slíp goeo lát nait?

Tối qua con ngủ có ngon giấc không?

3. Let's stretch our arms like a tall giraffe!

#03

Lét s-trétch ao-ơ am lai ơ tho gi-ráp!

Nào mình cùng vươn tay cao như chú hươu cao cổ nhé!

💡 Mẹ TPR: Vươn hai tay lên trần nhà cùng bé tạo hứng khởi thức dậy.

4. Time to brush your teeth and wash your face.

#04

Tham thu brắt-s do tit en goát-s do phây-s.

Đến giờ đánh răng và rửa mặt rồi nào con.

5. Which shirt do you want to wear today? Blue or yellow?

#05

Guýt-s sốt đui diu goan thu goe thù-đây? Bờ-lu o de-lâu?

Hôm nay con muốn mặc áo nào? Áo xanh hay áo vàng?

💡 Mẹ: Đưa 2 chiếc áo ra cho bé tự chọn, tăng tính tự lập.

6. Put on your pants, one leg at a time.

#06

Pút on do pan-s, goăn léc ét ơ tham.

Mặc quần vào nào, từng chân một nhé con.

7. Breakfast is ready! Smells so delicious!

#07

Brếch-phốtxt y rết-đi! S-meo sâu đi-lít-sơs!

Bữa sáng sẵn sàng rồi! Mùi thơm quá chừng!

8. Drink your warm milk, please.

#08

Đring-k do goam miu-k, p-lít-z.

Con uống cốc sữa ấm đi nhé.

9. Put on your shoes and socks.

#09

Pút on do su-z en sót-k-s.

Đi giày và đi tất vào nào con.

10. Grab your backpack! Let's get moving!

#10

Gráp do bách-pách! Lét gét mu-ving!

Đeo balo lên nào! Mình xuất phát thôi!

CHỦ ĐỀ 2: MEALTIME MANNERS (GIỜ ĂN & PHÉP LỊCH SỰ BÀN ĂN)

11. Wash your hands before we eat.

#11

Goát-s do hen-z bi-pho guy ít.

Rửa sạch tay trước khi mình ăn cơm nào.

12. Enjoy your meal, sweetie!

#12

In-gioi do miu, suýt-ti!

Chúc con yêu ăn cơm ngon miệng nhé!

13. Blow on your soup, it's hot!

#13

B-lâu on do súp, ít-z hót!

Thổi canh đi con, đang nóng đấy!



Mẹo: Ba mẹ làm mẫu chu môi thổi phù phù để con bắt chước.

14. Take small bites and chew slowly.

#14

Thếch s-mô bai-ts en chiu slâu-li.

Cắn miếng nhỏ và nhai từ từ thôi con nhé.

15. Use your spoon nicely.

#15

Diu-z do s-pun nai-s-li.

Cầm thìa xúc cơm khéo léo nào.

16. Would you like some more carrots?

#16

Gút diu lai-k sấm mo ca-rót?

Con có muốn ăn thêm chút cà rốt ngọt này không?

17. Can you say "More water, please"?

#17

Ken diu sây "Mo goa-tơ, p-lít-z"?

Con hãy nói "Làm ơn cho con thêm nước ạ"?

18. Good job finishing all your vegetables!

#18

Gút giúp phi-nít-s-ing ôi do vét-s-thơ-bâu!

Giỏi lắm, con đã ăn hết phần rau củ rồi!

19. Are you full? All done?

#19

A diu phu-l? Ôi đăn?

Con no bụng chưa? Ăn xong rồi đúng không con?

20. Let's bring your bowl to the sink.

#20

Lét bring do bầu thu dơ sinh-k.

Cùng mẹ mang bát con vào bồn rửa nhé.

CHỦ ĐỀ 3: PLAYTIME & TOYS (GIỜ CHƠI & DỌN DỆP ĐỒ CHƠI)

21. What do you want to play today?

#21

Goát đu diu goan thu p-lây thù-đây?

Hôm nay con muốn chơi trò gì nào?

22. Let's build a tall Lego tower!

#22

Lét biu-đơ tho Lê-gô thao-ơ!

Cùng mẹ xây một tòa tháp Lego thật cao nào!

23. It's my turn, then your turn.

#23

Ít-z mai hơn, đen do hơn.

Đến lượt mẹ, rồi sau đó tới lượt con nhé.

24. Sharing is caring! Share with your friend.

#24

Se-ring y ke-ring! Se guýt do phen-đ.

Chia sẻ là yêu thương! Con chia đồ chơi cho bạn nhé.

25. Be gentle with your toys.

#25

Bì dên-thô guýt do toi-z.

Chơi đồ chơi nhẹ nhàng giữ gìn thôi con nhé.

26. Ready or not, here I come!

#26

Rết-đi o nót, hia ai cẳm!

Chuẩn bị xong chưa, mẹ đi tìm đây nha!

27. Clean-up time! Put toys back into the box.

#27

K-lin ắp tham! Pút toi-z bách in-thu đơ bót-ks.

Đến giờ dọn dẹp rồi! Cất đồ chơi vào hộp nào.

28. Who can pick up blocks faster? Mommy or you?

#28

Hu ken pích ắp b-lót-ks pha-s-tơ? Mom-mi o diu?

Ai nhặt khối gỗ nhanh hơn nào? Mẹ hay con?

29. High five for being a great helper!

#29

Hai phai pho bi-ing ơ grết heu-pơ!

Đập tay nào người phụ việc tuyệt vời của mẹ!

30. Everything is neat and tidy now!

#30

Ếp-ri-thing y nít en thai-đi nao!

Mọi thứ giờ đây đã ngăn nắp gọn gàng rồi!

CHỦ ĐỀ 4: OUTDOOR & COMMUTE (ĐI ĐƯỜNG & AN TOÀN NGOÀI TRỜI)

31. Hold my hand when crossing the street.

#31

Hầu-l mai hen goen cro-sing dơ s-trít.

Nắm chặt tay mẹ khi mình qua đường nhé.

32. Look left and right. Red light means stop!

#32

Lúc lép-t en rai-t. Rét lai-t min-z s-tóp!

Nhìn sang trái và phải. Đèn đỏ nghĩa là dừng lại!

33. Fasten your helmet tight!

#33

Pha-sơn do heo-mít thai-t!

Cài quai mũ bảo hiểm thật chắc chắn nào!

34. Look up! The sky is so blue today.

#34

Lúc ắp! Dơ s-kai y sâu bờ-lu thù-đây.

Nhìn lên kìa! Bầu trời hôm nay thật trong xanh.

35. Do you hear the birds singing? Tweet tweet!

#35

Đu diu hĩa dơ bơ-d sing-ing? Tuýt tuýt!

Con có nghe thấy tiếng chim hót véo von không?

36. Watch your step! It's slippery.

#36

Goát-s do s-tép! Ít-z s-líp-pơ-ri.

Chú ý bước chân kìa! Sàn trơn đấy con.

37. Keep to the right side, please.

#37

Kíp thu dơ rai-t sai-đ, p-lít-z.

Đi nép về phía bên tay phải nhé con.

38. Look at that dog! Don't run, walk slowly.

#38

Lúc ét đát đót-g! Đôn răn, goóc slâu-li.

Nhìn chú cún kìa! Đừng bỏ chạy, hãy đi từ từ nhé.

39. Time to head home now.

#39

Tham thu hét hôm nao.

Đến giờ mình quay về nhà rồi con yêu.

40. We are safe at home!

#40

Guy a sếp-ph ét hôm!

Cả nhà mình đã về đến nhà an toàn rồi!

CHỦ ĐỀ 5: FEELINGS & EMOTIONS (CẢM XÚC & THÁI CẢM)

41. Are you feeling sad or angry?

#41

A diu phi-ling sét-đ o eng-gri?

Con đang cảm thấy buồn hay đang tức giận?

42. It's okay to cry. Mommy is right here.

#42

Ít-z ô-kê thu crai. Mom-mi y rai-t hia.

Khóc một chút cũng không sao đâu. Có mẹ ở đây rồi.

43. Take a deep breath: Inhale... and exhale...

#43

Thếch ơ díp brét: In-hêu... en ếch-hêu...

Hít một hơi thật sâu nào: Hít vào... và thở ra...

44. Use your words. Tell me what happened.

#44

Diu-z do gơơ-d. Teo mi goát hap-pơơ-đ.

Con hãy dùng lời nói kể mẹ nghe chuyện gì đã xảy ra.

45. I know you're upset, but hitting hurts.

#45

Ai nâu diu ắp-sét, bắt hít-thing hơ-t.

Mẹ hiểu con đang bực bội, nhưng đánh người khác sẽ đau đấy.

46. Do you need a warm hug?

#46

Đu diu nít ơ goam hắc-g?

Con có muốn một cái ôm ấm áp không?

47. I see a big bright smile on your face!

#47

Ai si ơ bích b-rai-t s-mai-l on do phây-s!

Mẹ nhìn thấy nụ cười thật tươi trên khuôn mặt con kìa!

48. You look so proud of yourself!

#48

Diu lúc sâu prao-đ ọp do-seol-ph!

Trông con có vẻ rất tự hào về thành quả của mình!

49. No matter what, I will always love you.

#49

Nô mát-tơ goát, ai guyn ôl-goê lăv diu.

Dù thế nào đi nữa, bố mẹ vẫn luôn yêu con.

50. You are safe and loved.

#50

Diu a sếp-ph en lăv-đ.

Con luôn được an toàn và bao bọc bởi yêu thương.

CHỦ ĐỀ 6: ENCOURAGEMENT & PRAISES (KHÍCH LỆ & KHEN NGỢI)

51. You tried your best! I'm so proud of you!

#51

Dìu trai-đ do bết-s-t! Àim sâu prao-đ ọp dìu!

Con đã cố gắng hết sức mình! Mẹ rất tự hào về con!

52. Keep going! You can do it!

#52

Kíp gô-ing! Dìu ken đu ít!

Tiếp tục nào! Con làm được mà!

53. Mistakes help us learn and grow.

#53

Mít-s-thếch-s heu-p ắt lớn en grâu.

Sai sót giúp chúng mình học hỏi và lớn khôn hơn.

54. Look how hard you worked on this drawing!

#54

Lúc hao hat dìu gơ-k-t on đít-s đrô-ing!

Nhìn xem con đã chăm chút cho bức vẽ này nhiều thế nào kìa!

55. You solved the puzzle all by yourself!

#55

Dìu son-v-đ dơ pắt-zâu ôi bai do-seol-ph!

Con đã tự mình giải xong mảnh ghép xếp hình rồi này!

56. That was a clever idea!

#56

Đát goát-z ở k-le-vơ ai-đi-ơ!

Đó quả là một ý tưởng rất thông minh và sáng tạo!

57. I love how patient you are today.

#57

Ai lăv hao pê-sơnt dìu a thù-đây.

Mẹ rất thích sự kiên nhẫn đáng khen của con hôm nay.

58. Don't give up. Let's try one more time.

#58

Đôn gíp ắp. Lét trai goăn mo tham.

Đừng bỏ cuộc. Mình cùng thử lại một lần nữa nhé.

59. You are getting better every single day!

#59

Dìu a gét-thing bết-tơ ép-ri sing-gâu đây!

Mỗi ngày con đều tiến bộ hơn rất nhiều!

60. Bravo! That deserves a big applause!

#60

Bra-vô! Đát đĩ-sơ-v ở bích ơ-p-lô-z!

Tuyệt cú mèo! Cả nhà cùng vỗ tay khen ngợi con nào!

CHỦ ĐỀ 7: PROBLEM SOLVING & CALMING DOWN (XỬ LÝ TÌNH HUỐNG)

61. Let's count from 1 to 5 to calm down.

#61

Lét khao-nt phrom goăn thu phai-v thu kham đao.

Cùng đếm từ 1 đến 5 để bình tĩnh lại nhé.

62. Would you like water or a hug first?

#62

Gút diu lai-k goa-tơ o ơ hắc-g phớt-s-t?

Con muốn uống ngụm nước hay muốn mẹ ôm trước nào?

63. What can we do to fix this problem?

#63

Goát ken guy đu thu phích-s đít-s prọp-blơm?

Mình có thể làm gì để khắc phục vấn đề này nhỉ?

64. Screaming won't help. Speak softly.

#64

S-kri-ming goôn heu-p. S-pík sót-ph-t-li.

La hét sẽ không giải quyết được gì. Con nói nhẹ nhàng nhé.

65. Let's take a 2-minute quiet break.

#65

Lét thếch ơ tu-mí-nít khoai-ợt brếch.

Mình cùng ngồi nghỉ yên tĩnh 2 phút nhé.

66. I am listening. Tell me softly.

#66

Ai em lýt-sơn-ing. Teo mi sót-ph-t-li.

Mẹ đang lắng nghe đây. Con nói nhỏ cho mẹ nghe nào.

67. How can we share this toy fairly?

#67

Hao ken guy se đít-s toi phe-li?

Làm sao để chia món đồ chơi này công bằng cho cả hai nhỉ?

68. Did you say sorry to your sister?

#68

Đít diu sây so-ri thu do sít-s-tơ?

Con đã nói lời xin lỗi với chị gái chưa?

69. Let's shake hands and make peace.

#69

Lét sếch hen-z en mê-k pít-s.

Cùng bắt tay và làm hòa với nhau nào.

70. Thank you for calming down so nicely.

#70

Teng-k diu pho kha-ming đao sâu nai-s-li.

Cảm ơn con vì đã bình tĩnh lại rất ngoan.

CHỦ ĐỀ 8: STUDY & READING TIME (CÙNG CON ĐỌC SÁCH)

71. Which book shall we read tonight?

#71

Guýt-s bức seo guy rít thù-nait?

Tối nay mẹ con mình đọc cuốn sách nào nhỉ?

72. Point to the yellow butterfly!

#72

Poin-t thu dơ de-lâu bắt-tơ-ph-lai!

Chỉ tay vào chú bướm vàng nào!

73. Can you turn the page gently?

#73

Ken diu hơn dơ pê-d dên-th-li?

Con có thể lật trang sách nhẹ nhàng giúp mẹ không?

74. What do you think will happen next?

#74

Goát đu diu thình-k guyn hap-pơn néch-s-t?

Con đoán xem điều gì sẽ xảy ra tiếp theo?

75. What color is this little car?

#75

Goát ca-lơ y dít-s lít-thô ca?

Chiếc ô tô nhỏ này màu gì hả con?

76. Count the stars: One, two, three...

#76

Khao-nt dơ s-ta-z: Goăn, tu, th-ri...

Đếm xem có mấy ngôi sao nào: Một, hai, ba...

77. What sound does the puppy make? Woof!

#77

Goát sao-n dất-z dơ pấp-pi mê-k? Gúp-ph!

Bạn cún con kêu như thế nào nhỉ? Gâu gâu!

78. Who is your favorite character?

#78

Hu y do phây-vơ-rít ca-rắc-tơ?

Con thích nhân vật nào nhất trong câu chuyện này?

79. You read that word correctly!

#79

Diu rét dất goơ-đ co-rét-t-li!

Con đọc đúng từ đó rồi! Xuất sắc quá!

80. Books take us on wonderful adventures.

#80

Búc-ks thếch ắt on goăn-đơ-phun ét-ven-chơ-z.

Sách đưa chúng mình vào những cuộc phiêu lưu kỳ diệu.

CHỦ ĐỀ 9: HYGIENE & CLEANLINESS (VỆ SINH CƠ THỂ)

81. Time for a warm bubbly bath!

#81

Tham pho ơ goam bắp-b-li bách-th!

Đến giờ tắm nước ấm với bọt xà phòng rồi!

82. Let's wash your hair with nice shampoo.

#82

Lét goát-s do he guýt nai-s sem-pu.

Cùng gội đầu bằng dầu thơm dịu mát nào.

83. Close your eyes so soap won't get in.

#83

K-lâu-z do ai-z sâu sôp goôn gét in.

Nhắm chặt mắt lại để bọt xà phòng không vào mắt nhé.

84. Splash splash in the water!

#84

S-p-lát-s s-p-lát-s in dơ goa-tơ!

Vỗ nước tùm tùm vui quá nào!

85. Dry yourself with this fluffy towel.

#85

Đrai do-seol-ph guýt đít-s ph-lấp-phì thao-ơ-l.

Lau khô người bằng chiếc khăn bông êm ái này nào.

86. Time to trim your nails.

#86

Tham thu trim do nêu-l-z.

Đến giờ bấm móng tay sạch sẽ rồi con.

87. Cover your mouth when you sneeze.

#87

Căv-vơ do mao-th goen diu s-nít-z.

Lấy tay che miệng khi con hắt hơi nhé.

88. Blow your nose into this tissue.

#88

B-lâu do nêu-z in-thu đít-s thít-s-siu.

Xì mũi vào chiếc khăn giấy này nhé con.

89. Wash hands with soap for 20 seconds.

#89

Goát-s hen-z guýt sôp pho thu-en-ti sé-cơn-z.

Nhớ rửa tay với xà phòng trong 20 giây nhé.

90. Look how clean and fresh you are!

#90

Lúc hao k-lin en phrét-s diu a!

Nhìn xem con sạch sẽ và thơm tho biết bao!

CHỦ ĐỀ 10: BEDTIME ROUTINE (GIỜ ĐI NGỦ & LỜI YÊU THƯƠNG)

91. Time to put on your cozy pajamas.

#91

Tham thu pút on do kô-zì pa-gia-ma-z.

Đến giờ mặc bộ đồ ngủ pijama ấm áp rồi.

92. Let's tuck you into bed.

#92

Lét thắc diu in-thu bét-đ.

Cùng chui vào chăn ấm với mẹ nào.

93. Which teddy wants to sleep with you?

#93

Guýt-s thét-đi goan-ts thu s-líp guýt diu?

Bạn gấu bông nào muốn ngủ cùng con tối nay?

94. Let's turn off the bright lights.

#94

Lét hơn ọp-ph dơ b-rai-t lai-ts.

Mình cùng tắt những ánh đèn sáng đi nhé.

95. Turn on the gentle night light.

#95

Hơn on dơ đèn-thô nait lai-t.

Bật chiếc đèn ngủ ánh vàng dịu êm lên nào.

96. Close your eyes and think of happy things.

#96

K-lâu-z do ai-z en thình-k ọp hap-pi thing-z.

Nhắm mắt lại và nghĩ về những điều vui vẻ nhé.

97. Sweet dreams, my little angel.

#97

Suýt đrim-z, mai lít-thô en-giâu.

Giấc mơ ngọt ngào nhé thiên thần nhỏ của mẹ.

98. Sleep tight! See you in the morning.

#98

S-líp thai-t! Sì diu in dơ mo-ninh.

Ngủ thật ngon nhé! Sáng mai gặp lại con yêu.

99. I love you to the moon and back.

#99

Ai lăv diu thu dơ mun en bách.

Mẹ yêu con nhiều như khoảng cách lên tận mặt trăng rồi quay lại.

100. Goodnight, sweetie. We love you always.

#100

Gút-naít, suýt-ti. Guy lăv diu ôl-goê.

Chúc con ngủ ngon. Bố mẹ luôn luôn yêu con.